

Cẩm Mỹ, ngày 29 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, về việc: “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Vy Thị L**, sinh năm 1991.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh **Vi Văn B1**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh B1, chị L đều thừa nhận: hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã SR vào năm 2011. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh B1 không chăm lo cho gia đình mâu thuẫn kéo dài nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Anh, chị cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, nên thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung: Vi Thiên B2, sinh ngày 05/09/2011, khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao cháu Thiên B2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh B1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: các đương sự không có.

[4] Về nợ chung: Anh B1, chị L khai không có.

[5] Về lệ phí: chị L và anh B1 phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vy Thị L và anh Vi Văn B1.

- Về con chung: giao cháu Vi Thiên B2, sinh ngày 05/9/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Vi Văn B1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh B1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh B1, chị L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Vy Thị L và anh Vi Văn B1 mỗi người phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi*) đồng lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị L, anh B1 đã nộp theo biên lai số 004925 ngày 21 tháng 6 năm 2019 và biên lai số 004926 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; Chị L và anh B1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CM;
- THA DS huyện CM;
- UBND xã SR (79/2011)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trương Thị Thùy Trang